**ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI**

**Trường CNTT và truyền thông**

**---🙠**🕮**🙢---**

Ảnh có chứa văn bản, áp phích, Phông chữ, Đồ họa

Mô tả được tạo tự động

**Báo cáo bài tập lớn**

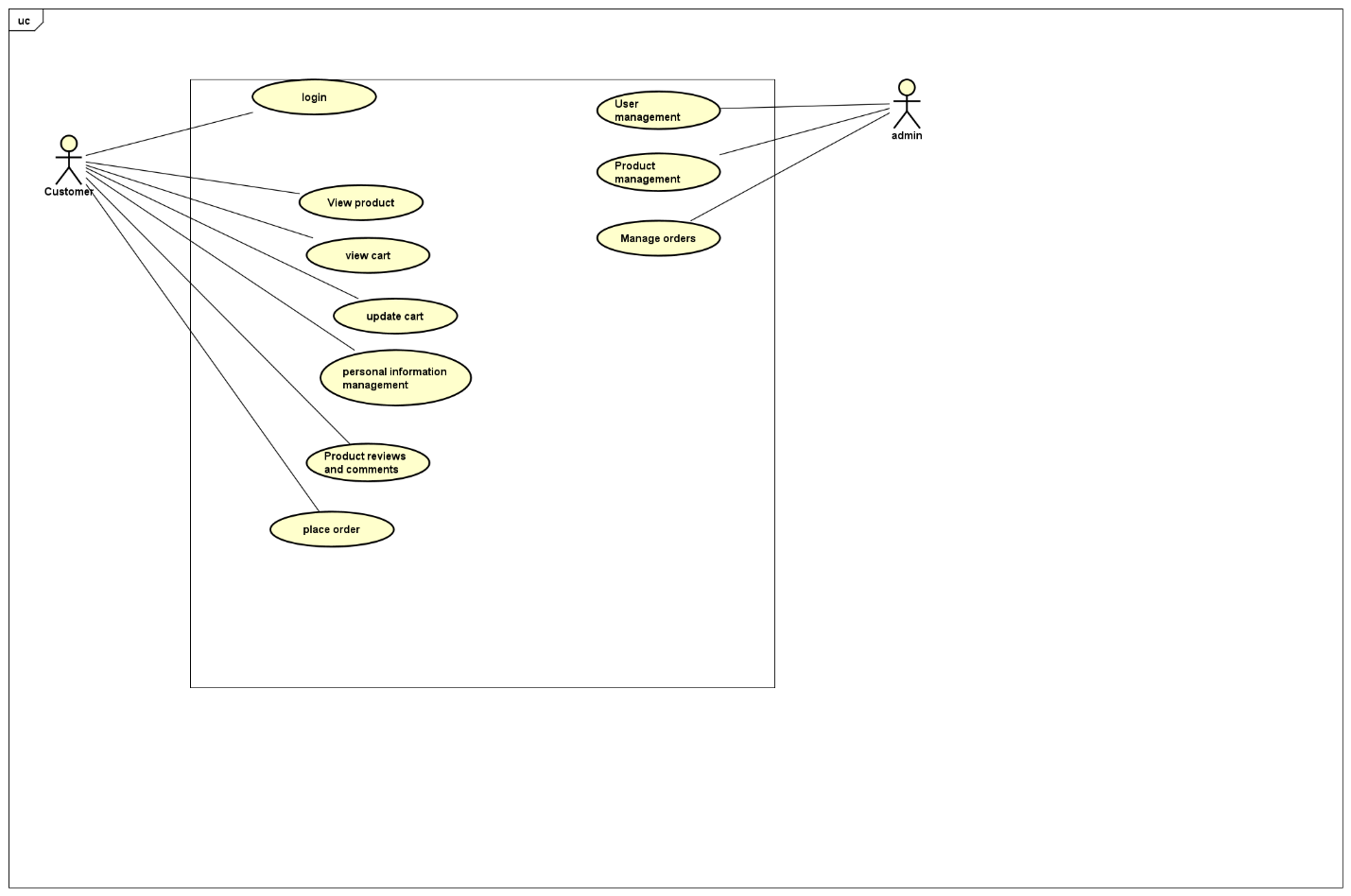
**Môn học: Nguyên cứu tốt nghiệp 1**

Sinh viên thực hiện: Đặng Minh Chức

MSSV: 20215001

Hà Nội ngày 28/6/2024

1. Đề tài : Web bán hàng công nghệ
2. Usecase
   1. Usecase diagram tổng quan



* 1. Sơ đồ phân rã
     1. View product

Ảnh có chứa văn bản, ảnh chụp màn hình, biểu đồ, hàng

Mô tả được tạo tự động

* + 1. update cart

Ảnh có chứa văn bản, ảnh chụp màn hình, hàng, biểu đồ

Mô tả được tạo tự động

* + 1. manage products

Ảnh có chứa ảnh chụp màn hình, văn bản, biểu đồ, hàng

Mô tả được tạo tự động

* 1. Đặc tả usecase
     1. đặc tả UC View product

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã usecase | UC001 | Tên usecase | View product |
| Tác nhân | Customer |  |  |
| Tiền điều kiện | Không có | | |
| Dòng sự kiện chính | |  |  |  | | --- | --- | --- | | # | Tác nhân thực hiện | Hành động | | 1 | Customer | Search sản phẩm | | 2 | System | Hiển thị dánh sách sản phẩm | | 3 | Customer | Chọn sản phẩm muốn xem | | 4 | System | Hiển thị thông tin sản phẩm | | 5 | Customer | Xem thông tin sản phẩm , thoát ra hoặc xem thông tin sản phẩm khác | | | |
| Dòng sự kiện khác | |  |  |  | | --- | --- | --- | | # | Tác nhân | Hành động | | 2a | System | Nếu không tìm được sản phẩm , thông báo không tìm được sản phẩm | | | |
| Hậu điều kiện | Không | | |

* dữ liệu đầu vào

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Stt | Trường dữ liệu | Mô tả | Bắt buộc | Điều kiện hợp lệ | Ví dụ |
| 1 | ID | Mã số sản phẩm | Có | Số tự nhiên 4 chữ số | 0001 |
| 2 | Tên | Tên san phẩm | Có |  | Nokia 5678 |
| 3 | Thông tin sản phẩm |  | Có |  | -bền  -đẹp |
| 4 | Giá tiền |  | Có | Lớn hơn 0d | 50000 đ |
| 5 | Hình ảnh |  | Có |  |  |
| 6 | Màu sắc |  | Không |  |  |
| 7 | Kích cỡ |  | Có |  | 72 inch |
| 8 | Số lượng |  | Có | Lớn hơn bằng 0 | 10 |
| 9 | Đánh giá | Số sao từ 1-5 | Có | Từ 1-5 | 5 |
| 10 | Giảm giá | Giảm giá hiện đang áp dụng cho sản phẩm | Không | Từ 0-30% | 20 |

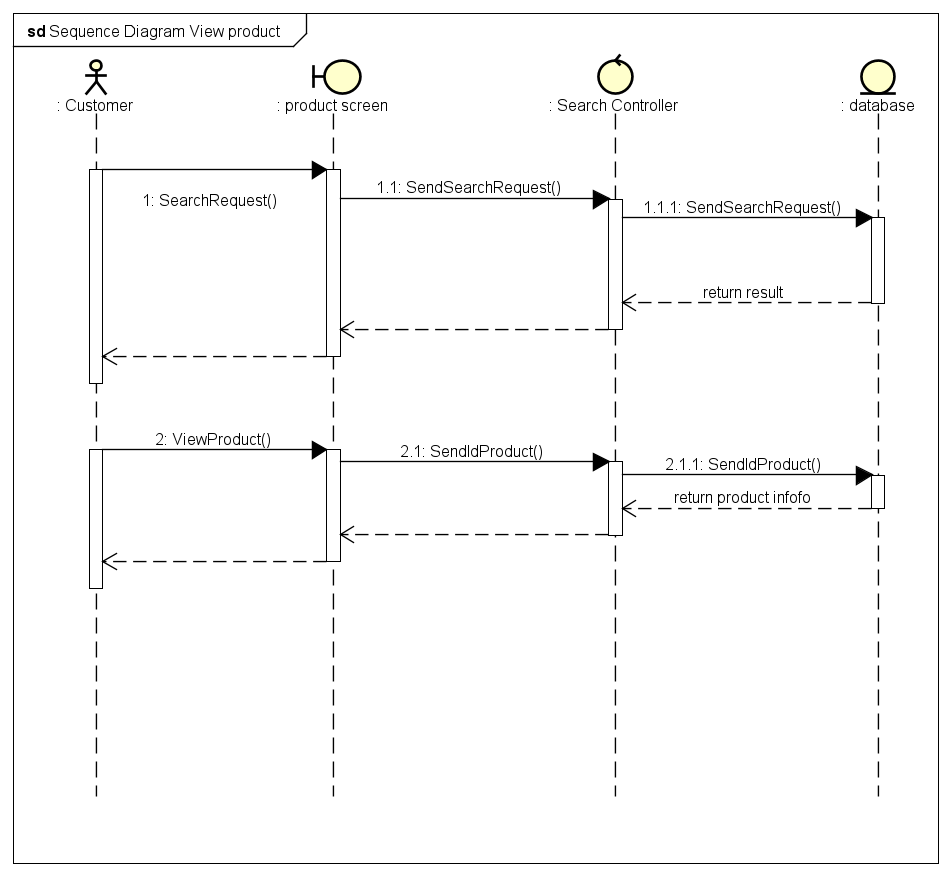
* + 1. Đặc tả usecase update cart

|  |  |
| --- | --- |
| Mã usecase | UC002 |
| Tác nhân | Customer |
| Tiền điều kiện | Không có |
| Dòng sự kiện chính | |  |  |  | | --- | --- | --- | | # | Tác nhân thực hiện | Hành động | | 1 | Customer | Chọn giỏ hàng | | 2 | System | Hiển thị giao diện giỏ hàng | | 3 | Customer | Chọn thêm/xóa sản phẩm | | 4 | System | Hiển thị giao diện thêm sản phẩm | | 5 | Customer | Thực hiện các hành động khác hoặc thoát | |
| Dòng sự kiện khác | |  |  |  | | --- | --- | --- | | # | Tác nhân | Hành động | | 4a | System | Nếu sản phẩm được thêm vào đã có sẽ thông báo sản phẩm đã trong giỏ hàng | |
| Hậu điều kiện | Không |

* + 1. Đặc tả usecase place order

|  |  |
| --- | --- |
| Mã usecase | UC003 |
| Tác nhân | Customer |
| Tiền điều kiện | Không có |
| Dòng sự kiện chính | |  |  |  | | --- | --- | --- | | # | Tác nhân thực hiện | Hành động | | 1 | Customer | Chọn thanh toán | | 2 | System | Hiển thị thanh toán | | 3 | Customer | Chọn thêm/xóa sản phẩm muốn mua từ giỏ hàng và chọn thanh toán những sản phẩm trên | | 4 | System | Đưa ra các phương án thanh toán | | 5 | Customer | Chọn phương thức thanh toán | | 6 | System | Hiển thị đơn hàng | | 7 | Customer | Kiểm tra lại đơn hàng và thoát | |
|  |  |
| Hậu điều kiện | Không |

* 1. Luồng sự kiện
     1. View Product



* + 1. Update cart

Ảnh có chứa văn bản, biểu đồ, hàng, Song song

Mô tả được tạo tự động

* + 1. Place order

Ảnh có chứa văn bản, biểu đồ, ảnh chụp màn hình, Song song

Mô tả được tạo tự động

1. Thiết kế Screen (dự kiến )
   1. Screen đăng nhập

Ảnh có chứa văn bản, ảnh chụp màn hình, Phông chữ, thiết kế

Mô tả được tạo tự động

* 1. Screen product

Ảnh có chứa văn bản, ảnh chụp màn hình, đa phương tiện, Hệ điều hành

Mô tả được tạo tự động

Ảnh có chứa văn bản, ảnh chụp màn hình, Phông chữ

Mô tả được tạo tự động

Ảnh có chứa văn bản, ảnh chụp màn hình, Phông chữ, số

Mô tả được tạo tự động

1. Giao diện(phần đã làm được )

-code : <https://github.com/chuc1230/ncdoan/tree/main/Webdoan>

- kết quả

Ảnh có chứa văn bản, ảnh chụp màn hình, Tờ rơi, thiết kế đồ họa

Mô tả được tạo tự động

-địa chỉ nhận hàng

Ảnh có chứa văn bản, ảnh chụp màn hình, phần mềm, màn hình

Mô tả được tạo tự động

-đăng nhập

Ảnh có chứa văn bản, ảnh chụp màn hình, Phông chữ

Mô tả được tạo tự động

* Chuyển ảnh

Ảnh có chứa văn bản, ảnh chụp màn hình, thiết kế đồ họa, phim hoạt hình

Mô tả được tạo tự động

Ảnh có chứa văn bản, ảnh chụp màn hình, Thương hiệu, thiết kế

Mô tả được tạo tự động

* List sản phẩm

Ảnh có chứa văn bản, ảnh chụp màn hình

Mô tả được tạo tự động

* 1. Giải thích code
* 3 file lớn :
* index.html : là file giao diện , chưa hình ảnh , text, link thư viện … , là nơi kết nối các file khác
* main.css : chỉnh sửa giao diện
* script.js : tạo các chức năng như bật tắt form , chuyển ảnh
* Các câu lệnh :
* Index.html:
* <!DOCTYPE html><link rel="stylesheet" href="main.css">

Khai báo cần có ở đầu file , chỉ định phiên bản HTML sử dụng

* <link rel="stylesheet" href="main.css">

Thẻ được mở và đóng <tên thẻ></tên thẻ> , một số thẻ có cấu trúc khác như

<link rel="stylesheet" href="main.css">

<li><a href=""></a><button><i class="fa-solid fa-cart-shopping"></i>Giỏ hàng </button></li>

* <div class="menu-bar-content">

Các thẻ này giúp nhóm các thành phần liên quan , khi tạo , chỉnh sửa giao diện có thể sửa cả các thẻ thành phần nằm trong đó

* <form action="">
* <p>Nếu chưa có tài khoản hệ thống tự động tạo mới </p>
* <input type="text"placeholder="email">
* <input type="text"placeholder="password">
* <button>Đăng nhập </button>
* <button>Đăng ký </button>
* </form>

Tạo form

* <select name="" >

<option value="#">--chọn địa điểm </option>

<option value="#">Hà Nội </option>

</select>

Tạo danh sách thả xuống

* <input type="text"placeholder="số nhà , tên đường">

Placeholder giúp ẩn “số nhà , tên đường “ khi nhập chữ vào

* <li id="adress-form"><a href="#">Hà Nội <i class="fa-solid fa-sort-down"></i></a></li> <!-- form nhập địa chỉ -->

Id giúp định danh cho phần tử

* <i class="fas fa-chevron-left"></i>

Đây là icon được sử dụng từ thư viện font awesome

* Main.css :
* nav ul li , a{

color:black;

font-size: 12px;

}

nav;ul;li theo thứ tự từ thẻ lớn -> thẻ bé ( phần tử trong thẻ lớn )

* nav ul li :nth-child(1):hover{

color: red;

}

ở đây nth-child(1): 1 thể hiện thứ tự thẻ   
 hover : khi di chuột đến vị trí nào đấy

* color:

màu sắc

* margin :

khoảng cách giữa các phần tử , bao gồm ‘margin-top’, ‘margin-left’ ‘margin-right’ ,’margin-bottom’

* padding :

khoảng cách giữa nội dung của các phần tử

* height,width:

kích thước phần tử ( ví dụ : ảnh )

* display:flex:

hiện phần tử (ví dụ : form ), không hiện sẽ là none

* justify-content:space-between;

căn chỉnh các phần tử con theo chiều ngang

* -border:

căn chỉnh đường viền

* cursor: pointer;

thay đổi con trỏ thành hình dạng bàn tay khi di chuyển chuột đến vị trí nào đó

* object-fit: cover

object-fit : thay đổi kích thước hình ảnh

* text-decoration: line-through :

gạch ngang văn bản

* transform: translateX(200%) :

di chuyển phần tử nào đó sang phải một khoảng cách bằng 2 lần chiều rộng ( khi giá trị là âm sẽ di chuyển sang trái , translateY sẽ di chuyển lên xuống )

* script.js:
* const adressbtn = document.querySelector('#adress-form'):

tham chiếu biến adressbtn đến phần tử có id : adressform

* adressbtn.addEventListener("click", function(){

document.querySelector('.adress-form').style.display = "flex"

})

Khi thực hiện nhấp chuột sẽ hiện ra form ( khi đặt là flex , nếu muốn tắt thì đặt là none )

* console.log(accountclose)   
  in ra giá trị của 1 biến giúp kiểm tra nó có hoạt động hay không , trong chương trình có thể bỏ dòng lệnh này
* setInterval(imgAuto,3000) :

gọi hàm imgAuto mỗi 3s